CÔNG TY CỔ PHẦN **MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**
Số : 201 /TB-TCHC	*Khánh Hòa , ngày 28 tháng 4 năm 2016*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2015

I. Thông tin chung :

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ Phần Môi Trường Đô Thị Nha Trang.
- Giấy chứng nhập đăng ký doanh nghiệp: 4200444916
- Vốn điều lệ : 60.000.000.000 đồng (sáu mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 37.041.000.000 đồng
- Địa chỉ: 22 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Tp Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại: (058) 3523 863
- Số fax: (058) 3523 863
- Website: www.urenconhatrang.com.vn

Quá trình hình thành và phát triển:

- Tiền thân của công ty gồm 02 công ty hoạt động độc lập là Công ty Dịch vụ Công cộng thành phố Nha Trang và công ty công viên Cây xanh Khánh Hòa.

- Ngày 08/03/2001 UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 746A/2001/QĐ-UB hợp nhất Công ty Công viên Cây xanh Khánh Hòa và Công ty Dịch vụ Công cộng Thành phố Nha Trang thành Công ty Môi trường Đô thị Nha Trang.

- Ngày 29/06/2010 UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 1695/QĐ-UBND chuyển đổi Công ty Môi trường Đô thị Nha Trang thành Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Nha Trang. Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Nha Trang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4200444916 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 22/09/2010.

- Ngày 17/07/2012 UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 1721/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Nha Trang.

- Công ty Cổ phần môi trường đô thị Nha Trang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh và đăng ký thuế số 4200444916 do sở Kế Hoạch

và đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 22/09/2010, đăng kí thay đổi lần thứ 1 ngày 31/12/2014.

- Hiện nay để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh Công ty đã đăng ký bổ sung thêm một số ngành nghề và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4200444916 do sở Kế Hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 22/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 26/05/2015.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh :

- Thu gom rác thải không độc hại
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ : hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ, quản lý nghĩa trang, dịch vụ mai táng, dịch vụ địa tang, dịch vụ hỏa táng, điện táng.
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quang
- Bán buôn hoa và cây
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh
- Trồng cây hàng năm khác
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Xây dựng công trình công ích
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Lắp đặt hệ thống điện
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- Thoát nước và xử lý nước thải
- Thu gom rác thải độc hại
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại và độc hại
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp

Địa bàn kinh doanh : Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:*

- Mô hình quản trị :

MÔ HÌNH TỔ CHỨC BỘ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

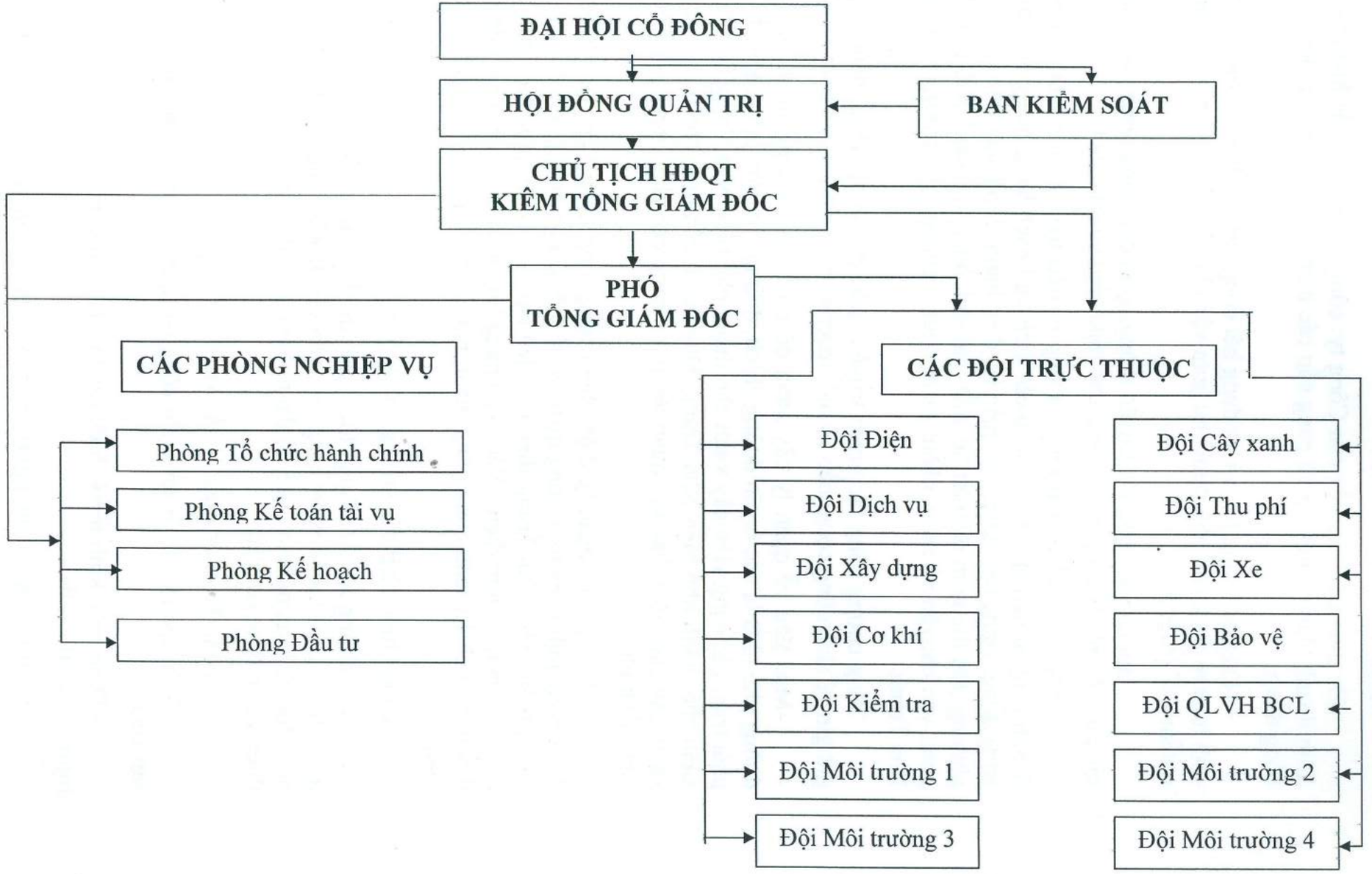

4. *Định hướng phát triển*

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: công ty tiếp tục vận hành theo hướng kinh doanh chuyên nghiệp và cung cấp các dịch vụ đô thị mang đến lợi ích cho cộng đồng

- Nâng cao năng lực và sử dụng hết công suất thiết bị để toàn bộ chất thải sinh hoạt trong thành phố được thu gom vận chuyển và xử lý nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường

- Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục cộng đồng nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường cho nhân dân và du khách.

- Mục tiêu về môi trường : Công ty tiếp tục vận hành theo hướng kinh doanh chuyên nghiệp và cung cấp các dịch vụ khách hàng mang đến lợi ích cho cộng đồng. Nâng cao năng lực quản lý, điều hành, công suất thiết bị cơ giới hóa phương tiện thu gom để toàn bộ chất thải sinh hoạt của thành phố phải được thu gom, vận chuyển và xử lý nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường của thành phố Nha Trang.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục cộng đồng, nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh công cộng, bảo vệ môi trường, trách nhiệm của toàn xã hội.

-Mục tiêu về quản lý cây xanh đô thị : Tăng cường hệ thống cây xanh đường phố nhất là các tuyến đường chính, đường mới xây dựng, khu đô thị mới, phát triển các công viên cây xanh cho thành phố biển Nha Trang tạo không gian xanh cho thành phố biển Nha Trang. Đẩy mạnh công tác chăm sóc, duy trì cây xanh, cây cảnh đảm bảo mỹ quan đô thị và nâng cao chất lượng sống của người dân thành phố.

- Mục tiêu về quản lý điện chiếu sáng công cộng : áp dụng khoa học kỹ thuật công nghệ tiên tiến trong quản lý hệ thống điện chiếu sáng công cộng hiện nay ở thành phố Nha Trang theo các tiêu chí sau: công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến và tiết kiệm điện . Nâng cao năng lực quản lý vận hành để đảm bảo hệ thống điện chiếu sáng công cộng thành phố luôn sáng đều, sáng đủ và sáng tiết kiệm.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

Với những lợi thế, thuận lợi, năng lực đã có như lĩnh vực dịch vụ vệ sinh môi trường chất lượng ngày càng cao, yên tâm trong công tác đấu thầu. Nguồn nhân lực có kinh nghiệm, chế độ đãi ngộ tốt, môi trường làm việc thuận lợi, thân thiện và ổn định lâu dài.

Công tác Tổ chức quản lý sản xuất:

- Tiếp tục rà soát hoàn thiện công tác quản lý, điều hành từng công việc sản xuất.

- Định mức kinh tế kỹ thuật các thành phần công việc, định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu.

- Phân bố hợp lý con người, phương tiện và công cụ dụng cụ sản xuất.

Công tác Dự án đầu tư:

Nhằm tiếp tục nâng cao năng lực về chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh và uy tín thực hiện dịch vụ công ích đô thị để tiến tới đấu thầu. Ban Tổng Giám đốc Công ty thông qua Hội đồng quản trị các dự án đầu tư :

- Mua 02 xe ép rác chuyên dùng 14 m3 (7 tấn) giá trị khoảng 04 tỷ đồng: Do lượng rác phát sinh tăng từ 370 tấn/ngày lên 450 tấn/ngày, mỗi chuyến thu gom vận chuyển rác kéo dài từ 2 – 3 tiếng, lái xe phải hoạt động liên lục trung bình 10 tiếng/ngày vi phạm Luật lao động, ảnh hưởng đến sức khỏe của con người.

- Mua 01 nâng chở xe cải tiến 05 tấn có giá trị khoảng 750 triệu đồng, để nâng cao nâng lực phục vụ cho các khu vực phía Bắc thành phố trong việc thu gom xe cải tiếng sau ca công tác.

- Đầu tư xây mới 01 lò hỏa táng: khoảng 4 tỷ đồng bằng nguồn vốn ngân sách, thu hồi vốn khấu hao trả lại cho nhà nước.

- Cải tạo, chỉnh trang tôn tạo cảnh quang khu vực nhà Hỏa táng bằng nguồn vốn của Công ty

- Đầu tư cải tạo bể phốt và xử lý bùn nạo vét và nước thải dầu mỡ

Công tác tài chính và kiểm soát chi phí, công nợ:

-Tiếp tục xây dựng kế hoạch tài chính sát với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kiểm soát các nguồn tiền một cách hiệu quả nhất để góp phần gia tăng lợi nhuận của công ty.

- Kiểm soát nợ phải thu, trong hạn, quá hạn.

Công tác Nhân sự – Tiền lương:

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trực thuộc công ty.

- Thành lập các Xí nghiệp để phân công, phân cấp quản lý.

- Ban hành quyết định chuyển xếp lương mới và ký kết HĐLĐ theo mức lương mới cho CBCNV.

- Phối hợp các Phòng chức năng của Công ty tổ chức các Hội nghị thường niên của Công ty như: Đại hội cổ đông, Hội nghị người lao động, …

Công tác khác:

- Phát huy và đẩy mạnh các phong trào thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện chính sách tiết kiệm, động viên cá nhân tập thể tham gia sáng kiến cải tiến kỹ thuật phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

- Phối hợp các tổ chức Đảng, Đoàn thể xây dựng văn hóa công ty trên nền tảng "Đoàn kết, sáng tạo và phát triển", đồng thời chăm lo thường xuyên tới đời

sống CBCNV trong công ty tạo môi trường làm việc chủ động sáng tạo văn minh và ổn định lâu dài.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT năm 2016.

- Công tác Kiểm tra an toàn, Bảo hộ lao động, Phòng chống cháy nổ.

5. *Các rủi ro:*

- Các năm tiếp theo là những năm khó khăn, đầu vào của công ty không tăng mà còn có xu hướng giảm do đấu thầu dịch vụ công ích đô thị, đầu ra của công ty lại tăng do các chế độ của người lao động thực hiện hiện theo quy định của nhà nước. Và các chế độ cho người lao động đều tăng: Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp tăng do đóng trên thu nhập, Tiền lương trả cho người lao động tăng theo lương tối thiểu vùng. Các Tổ thu gom rác tự quản sẽ phát sinh thêm.

- Bộ Xây dựng ban hành định mức nhân để xây dựng dự toán đơn giá năm 2015 rất thấp so với đơn giá năm 2014.

- Chi phí chung trong đơn giá được UBND tỉnh phê duyệt đủ từ 63-65%, nhưng đặt hàng chỉ 30%, chỉ vận chuyển rác trên đảo lòng bè và chôn rác Lương hòa thì giữ nguyên.

- Là dịch vụ công do Nhà nước đặt hàng nên mọi chi phí đủ để trang trải duy trì hoạt động, rất ít lãi (4,5% lợi nhuận định mức).

- Không có chế tài đối với những trường hợp không đóng phí vệ sinh, mức phí tăng hàng năm nên rất khó thu.

- Công nhân còn nhiều, khả năng và trình độ của lực lượng lao động tuy đã từng bước được nâng cao và hoàn thiện nhưng vẫn chưa đáp ứng tối đa yêu cầu ngày càng cao của công việc.

- Thành lập Tổ thu gom rác tự quản gồm 14 thôn thuộc 03 xã (Vĩnh Ngọc, Vĩnh Trung, Vĩnh Thái) thu phí vệ sinh chỉ đủ trang trải chi phí nhân công, UBND thành phố Nha Trang không cấp bù như trong hợp đồng đặt hàng

II. Tình hình hoạt động trong năm :

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh :

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2015:

Năm 2015, đánh dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Công ty Môi trường Đô thị Nha Trang khi chuyển đổi sang mô hình công ty Cổ phần. Đây là bước chuyển đổi quan trọng tạo điều kiện cho Công ty phát triển kể về lượng và chất lên tầm cao mới với chiến lược phát triển ổn định, bền vững.

Bám sát các mục tiêu quan trọng đã được Đại hội cổ đông lần thứ nhất thông qua, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã triển khai quyết liệt các giải pháp trọng tâm đối với từng lĩnh vực cụ thể.

Với những thuận lợi trong nhiều năm tổ chức và hình thành Công ty như :

- Thành phố Nha Trang là Trung tâm kinh tế chính trị của tỉnh Khánh Hòa, là điểm du lịch lớn của cả nước với nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng. Vì vậy dịch vụ công ích đô thị được UBND tỉnh Khánh Hòa và UBND thành phố Nha Trang quan tâm ưu ái đặt hàng cho công ty.

- Công ty được hình thành từ Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Nha Trang nên đã có thương hiệu, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực dịch vụ công ích đô thị, có đội ngũ công nhân lành nghề.

- Phương tiện vận tải toàn bộ là xe chuyên dùng như : xe ép rác, xe bồn tưới cây, xé sàn cát biển, xe hút bụi ...

- Được thành phố quan tâm một số tuyến đường cho quét vỉa hè 01 lượt/ngày, hỗ trợ công ty trong công tác thu phí, giao thêm Công tác bảo vệ công viên 06 tháng cuối năm 2015 ...

- Sự đoàn kết, quyết tâm và tinh thần trách nhiệm cao của ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên.

- Doanh thu: 140 tỷ tăng 11 tỷ đồng, tỷ lệ 108,53%

- Chi phí: 135,52 tỷ tăng 9,52 tỷ đồng , tỷ lệ 107,55%

Tốc độ tăng doanh thu (108,53%) cao hơn tốc độ tăng chi phí (107,55%), trong năm có một số công tác ghi nhận doanh thu bằng chi phí vì thành phố cấp kinh phí như dạng thu hộ, chi hộ:

+ Bảo vệ bờ biển

+ Tổ tự quản

+ Vật tư sửa chữa điện chiếu sáng công cộng

+ Đất mua lấp rác bãi chôn lấp.

* Tình hình thực hiện so với kế hoạch :

So với phương án sản xuất từ năm 2015->2017 đã thông qua Đại hội cổ đông ngày 26/12/2014 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015
1	Vốn điều lệ	60.000.000.000	60.000.000.000
2	Tổng số lao động *(người)*	751	890
3	Tổng quỹ lương	69.405.000.000	76.634.571.000
4	Thu nhập bình quân người /tháng	7.691.000	6.014.809
5	Tổng doanh thu và thu nhập	129.000.000.000	139.999.813.228
6	Tổng chi phí	126.000.000.000	135.515.467.353

7	Lợi nhuận trước thuế	3.000.000.000	4.484.345.875
8	**Lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ (%)**	**5,00**	**7,47**
9	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	2.340.000.000	3.461.810.376
10	**Lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ (%)**	**3,90**	**5,77**
11	Trích lập các quỹ (32%)	748.800.000	1.107.779.320
12	Trả cổ tức (68%)	1.591.200.000	2.354.031.056
13	**Cổ tức (%)**	**2,65**	**3,92**
14	**Tiền lương/lợi nhuận (đồng)**	**23,14**	**17,09**

Bảng tóm tắt:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	KH 2015	TH 2015	TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	129	140	108,53
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	126	135,52	107,55
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3	4,48	149,48
4	Cổ tức	%	2,65	3,92	147,94

2. *Tổ chức nhân sự :*

- Danh sách Ban Điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 01/4/2016	
			Số lượng	Tỉ lệ
I	**Hội đồng Quản trị**			
1	Hồ Ngọc Ân	Chủ tịch	3.704.100	61,74
2	Nguyễn Thành Tây	Thành viên	3.900	0,065
3	Ngô Văn Đừng	Thành viên	3.100	0,052
4	Phan Ngọc Thanh	Thành viên		

II	**Ban Kiểm soát**			
1	Nguyễn Thành Phú	Trưởng ban	700	0,012
2	Lương Hải Thiện	Thành viên	500	0,008
3	Nguyễn Hùng	Thành viên	9.931	0,165
III	**Kế toán trưởng**			
1	Nguyễn Hùng Thanh	Kế toán trưởng	1.600	0,027

- Sơ yếu lý lịch của Ban điều hành :

Họ và tên : **Hồ Ngọc Ân**

Chức vụ hiện tại : Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc

Ngày, tháng, năm sinh: 29 tháng 5 năm 1963 Giới tính: Nam

Quê quán: Phường Ngọc Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Nơi đăng ký thường trú: 01^A đường Đồng Nai, tp Nha Trang, t.Khánh Hòa

Nơi ở hiện nay: 01^A đường Đồng Nai, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Số CMND/ Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân: 220043025

Ngày cấp: 20/8/2015 Nơi cấp : Công An Tỉnh Khánh Hòa

Chuyên môn, nghiệp vụ: Cử nhân luật

Lý luận chính trị: Cử nhân Chính trị

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Làm công việc, giữ chức vụ, cấp bậc gì? tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nào? ở đâu?
- 26/3/1981- 23/6/1981	Đi nghĩa vụ quân sự tại Đơn vị A7, C3, D7, E93 QK5 Đăk Lăk.
- 23/6/1981- 06/9/1983	Chuyển công tác về Đơn vị E719, F333, QK5 Đăk Lăk. Xuất ngũ ngày 06/9/1983, cấp bậc: Trung sĩ, chức vụ: Tiểu Đội trưởng Vệ binh.
- 10/1983 - 09/1989	Được tuyển dụng về công tác tại cơ quan Thanh tra thành phố Nha Trang (làm cán bộ).
- 10/1989 - 02/2004	Công tác tại Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Nha Trang, chức vụ: Ủy viên Ủy ban Kiểm tra.
- 03/2004 – 05/2009	Luân chuyển về công tác tại UBND phường Ngọc Hiệp, thành phố Nha Trang, chức vụ: Thành ủy viên, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND phường Ngọc Hiệp.
- 06/2009 – 12/2014	Về công tác tại Phòng Nội vụ thành phố Nha Trang, chức vụ: Thành ủy viên, Bí thư Chi Bộ - Trưởng Phòng Nội vụ thành phố Nha Trang.

- 01/01/2015 - nay	Về công tác tại Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang, chức vụ: Thành ủy viên, Bí thư Chi bộ, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang.

Họ và tên : **Nguyễn Thành Tây**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám Đốc

Ngày, tháng, năm sinh: 13 tháng 6 năm 1962 Giới tính: Nam

Quê quán: Tổ 15 Vĩnh Điềm Thượng, Xã Vĩnh Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 15 Vĩnh Điềm Thượng, Xã Vĩnh Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Nơi ở hiện nay: Tổ 15 Vĩnh Điềm Thượng, Xã Vĩnh Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Số CMND/ Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân: 220092654

Ngày cấp: 22/01/2008 Nơi cấp : Công An Tỉnh Khánh Hòa

Chuyên môn, nghiệp vụ: Kỹ sư nông nghiệp

Lý luận chính trị: Cao cấp Chính trị

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Làm công việc, giữ chức vụ, cấp bậc gì? tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nào? ở đâu?
1990 -1994	Công tác tại Hợp tác xã Nông nghiệp Kinh doanh Tổng hợp Vĩnh Hiệp với các chức vụ cán bộ kỹ thuật, phó chủ nhiệm, Trưởng ban kiểm soát, Phó bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản HCM Xã Vĩnh Hiệp
1995 đến nay	Công tác tại Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang với các chức vụ chuyên viên Phòng Kế hoạch, Đội trưởng Đội quản lý công viên cây xanh; Trưởng phòng kế hoạch; Trưởng phòng Tổ chức hành chính; Phó Bí thư chi bộ; Thành viên Hội đồng quản trị; Phó Tổng Giám Đốc; Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Công đoàn cơ sở. Ủy viên Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam Thành phố Nha Trang

Họ và tên : **Ngô Văn Đừng**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám Đốc

Ngày, tháng, năm sinh: ngày 22 tháng 5 năm 1965 Giới tính : Nam

Quê quán : Phú Ân Nam 4, Diên An, Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

Địa chỉ thường trú: Phú Ân Nam 4, Diên An, Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

Số CMND/ Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân: 225028957

Ngày cấp: 01/10/2008, Nơi cấp:Công An Khánh Hòa

Trình độ văn hóa : 12/12

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Làm công việc, giữ chức vụ, cấp bậc gì? tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nào? ở đâu?
1983 đến 2001	Công tác tại Công ty dịch vụ công cộng Nha Trang với công việc Nhân viên bảo vệ
2005 đến nay	Công tác tại Công ty Môi trường Đô thị Nha Trang với các chức vụ Đội phó, Phụ trách đội vệ sinh công cộng, Quyền Đội trưởng MT 1, Quyền Đội trưởng MT3, Đội Phó Đội Môi trường 4, thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên : **Nguyễn Thành Phú**

Chức vụ hiện tại: Trưởng ban Kiểm soát

Ngày, tháng, năm sinh: 10 tháng 8 năm 1980 Giới tính: Nam

Quê quán: Thôn Diên Lâm, Huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

Nơi ở hiện nay: Thôn Diên Lâm, Huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

Số CMND/ Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân: 225160619

Ngày cấp: 16/4/2013 Nơi cấp : Công An Tỉnh Khánh Hòa

Chuyên môn, nghiệp vụ: Cử nhân Tài chính ngân hàng

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Làm công việc, giữ chức vụ, cấp bậc gì? tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nào? ở đâu?
2006 đến nay	Công tác tại Công ty Môi trường Đô thị Nha Trang với các chức vụ Chuyên viên Phòng Kế toán tài vụ, Kiểm soát viên, Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên : **Lương Hải Thiện**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày, tháng, năm sinh: 01 tháng 10 năm 1986 Giới tính: Nam

Quê quán : 48 Điện Biên Phủ, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Nơi ở hiện nay: 48 Điện Biên Phủ, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Số CMND/ Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân: 225299664

Ngày cấp: 08/7/2009 Nơi cấp : Công An Tỉnh Khánh Hòa

Chuyên môn, nghiệp vụ: Cử nhân Kế toán kiểm toán, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Làm công việc, giữ chức vụ, cấp bậc gì? tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nào? ở đâu?
2009 đến nay	Công tác tại Công ty Môi trường Đô thị Nha Trang với các chức vụ Chuyên viên Phòng Kế toán tài vụ, Phó trưởng Phòng kế hoạch, thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên : **Nguyễn Hùng Thanh**

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng

Ngày, tháng, năm sinh: 01 tháng 04 năm 1972 Giới tính: Nam

Quê quán : Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

Nơi ở hiện nay: 43/6 Quang Trung, Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Số CMND/ Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân: 225104717

Ngày cấp: 19/01/2015 Nơi cấp : Công An Tỉnh Khánh Hòa

Chuyên môn, nghiệp vụ: Cử nhân Kinh tế , Thạc sỹ Kinh Tế

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Làm công việc, giữ chức vụ, cấp bậc gì? tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nào? ở đâu?
2004 đến nay	Công tác tại Công ty Môi trường Đô thị Nha Trang với các chức vụ Phó trưởng phòng Phụ trách Phòng Kế toán tài vụ, Kế toán trưởng

- Những thanh đổi trong ban điều hành :

Ngày 31/12/2015 ông Nguyễn Đăng Vinh, thành viên Hội đồng quản trị có đơn xin ra khỏi hội đồng quản trị gởi về văn phòng Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang. "Căn cứ tại điểm b, mục 4, Điều 26 Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty" ông Vinh không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị. Và tiến hành đưa ra Đại Hội cổ đông sắp tới để tiến hành bãi nhiệm theo đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

- Số lượng cán bộ, nhân viên :

Tổng số CBCNV – người lao động có mặt tại thời điểm 01/4/2016 là : 898 người

Trong năm 2015 căn cứ Bộ Luật Lao động năm 2012, Thông tư số 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015, Công ty đã xây dựng, ban hành và đã được Phòng Lao động thương binh và xã hội đăng ký tiếp nhận hệ thống Thang lương, bảng lương của Công ty có lợi hơn cho người lao động.

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:*

Với yêu cầu tăng cường năng lực đột phá về chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh và uy tín thực hiện dịch vụ công ích đô thị để tiến tới đấu thầu. Ban Tổng Giám đốc Công ty căn cứ vào tình hình thực tế sản xuất và Điều lệ tổ chức hoạt động trong năm 2015 tiến hành đầu tư, mua sắm như sau:

- Xe nâng chở xe cải tiến Thaco ollin 800A 5 tấn: 730.418.636 đồng

- Xe tải chở hàng Thaco kia K165-2,4 tấn : 322.409.091 đồng

- Sửa chữa, cải tại, nâng cấp lò hỏa táng : 327.379.000 đồng

- Nhà để xe ô tô, nhà làm việc, cổng tường rào, cầu rửa xe xã Phước Đồng: 904.248.182 đồng

- Công ty xây dựng công trình tường rào, cổng khu Hòn sện trên diện tích 7.000 m^2 dùng làm vườn ươm cho Công ty và một phần dùng để chứa xe cải tiến sau ca công tác khu vực phía Bắc: 711.971.818 đồng

- Khoang giếng khai thác nước ngầm phục vụ sinh hoạt và tưới cây khu vực hoả táng Phía Bắc và Hoàn Rớ (02 cái): 190.909.091 đồng

- Công trình nhà để xe ô tô Hòn Rớ : 284.746.000 đồng

- Lắp đặt mới và cải tạo các hạng mục tại xưởng Cơ khí : 85.608.000 đồng

4. *Tình hình tài chính :*

a. Kết quả về hoạt động tài chính của Công ty đã được kiểm toán.

Chỉ tiêu	Năm 2015
Tổng giá trị tài sản:	102.302.175.629
Tài sản ngắn hạn:	55.275.399.975
- Tiền và các khoản tương đương tiền	39.716.192.221
- Các khoản phải thu ngắn hạn	13.682.194.764
- Hàng tồn kho	1.794.240.044
- Tài sản ngắn hạn khác	82.772.946
Tài sản dài hạn:	47.026.775.654
- Tài sản cố định	43.980.753.487
- Tài sản dài hạn khác	3.046.022.167
Doanh thu thuần:	139.225.318.158
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh.	11.077.861.102
Lợi nhuận khác	463.634.683
Lợi nhuận trước thuế	4.484.345.875
Lợi nhuận sau thuế	3.461.810.376

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn	1,63
+ Hệ số thanh toán nhanh TS ngắn hạn – hàng tồn kho . Nợ ngắn hạn	1,58
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,37
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,58
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn bán hàng/Hàng tồn kho bình quân	77,46
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời +Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần.	0,025
+Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,053
+Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,034
+Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,029

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:*

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần : 6.000.000 cổ phần

Trong đó :

- Cổ phần chuyển nhượng tự do : 5.896.500 cổ phần
- Cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 103.500 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông

Stt	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa	3.704.100	61,74
2	Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại và Du lịch Tường Nhàn	1.443.069	24,05
3	Ông Nguyễn Hùng	9.931	0,17
4	Người lao động trong công ty	842.900	14,04
Cộng		**6.000.000**	**100,00**

6. *Chính sách liên quan đến người lao động*

a. Số lượng lao động : 898 người

Mức lương trung bình đối với người lao động : 7.000.000 đồng/người/tháng

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động :

Công ty tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN, CPCĐ cho người lao động đầy đủ, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động

c. Hoạt động đào tạo người lao động :

Trong năm 2015 Công ty tổ chức cho người lao động tham gia học tập An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và lớp đào tạo trồng hoa, chăm sóc cây xanh với hơn 700 người lao động tham dự.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc

1. *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :*

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang đi vào hoạt động nên khó khăn và thách thức không thể tránh khỏi, với nỗ lực của CBCNV toàn công ty, sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự điều hành của ban Tổng giám đốc, công ty đã vượt qua khó khăn và đạt được kết quả kinh doanh như trên là một thành công lớn.

- Doanh thu: 140 tỷ tăng 11 tỷ đồng, tỷ lệ 108,53%

- Chi phí: 135,52 tỷ tăng 9,52 tỷ đồng , tỷ lệ 107,55%

Tốc độ tăng doanh thu (108,53%) cao hơn tốc độ tăng chi phí (107,55%), trong năm có một số công tác ghi nhận doanh thu bằng chi phí vì thành phố cấp kinh phí như dạng thu hộ, chi hộ:

+ Bảo vệ bờ biển

+ Tổ tự quản

+ Vật tư sửa chữa điện chiếu sáng công cộng

+ Đất mua lấp rác bãi chôn lấp.

2. *Tình hình tài chính :*

a. Tài sản và nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2015:

Tổng cộng tài sản:	**102.302.175.629 đồng**
+ Tài sản ngắn hạn:	55.275.399.975 đồng
+ Tài sản dài hạn:	47.026.755.654 đồng
Tổng cộng nguồn vốn:	**102.302.175.629 đồng**
+ Nợ phải trả:	37.361.895.349 đồng
+ Nguồn vốn chủ sỡ hữu:	64.940.280.280 đồng

b. Kết quả sản xuất kinh doanh:

+ Tổng doanh thu và thu nhập: 139.999.813.228 đồng

+ Giá vốn và chi phí phân bổ: 135.515.467.353 đồng

+ Lợi nhuận trước thuế: 4.484.345.875 đồng

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp: 1.022.535.499 đồng

+ Lợi nhuận sau thuế: 3.461.810.376 đồng

c. Phân tích một số chỉ tiêu tài chính năm 2015:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015
1	**Hệ số bảo toàn vốn** (Vốn CSH kỳ này/ Vốn CSH kỳ trước)	1,16
2	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**	
	Khả năng thanh toán ngắn hạn (TSNH/nợ ngắn hạn)	3,01
	Khả năng thanh toán nhanh (TSNH-HTK/nợ ngắn hạn)	1,58
3	**Chỉ tiêu về cơ cấu Vốn – Tài sản**	
	Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,36
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,57
4	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**	
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,02
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	0,03
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE)	0,05

Căn cứ số liệu trên báo cáo tài chính cho thấy:

- Hệ số bảo toàn vốn: Vốn chủ sở hữu kỳ này tăng 1,16 lần so với kỳ trước như vậy Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

- Khả năng thanh toán: Chỉ số khả năng thanh toán ngắn hạn đạt 3,01 lần, khả năng thanh toán nhanh đạt 1,58 lần có thể đảm bảo thanh toán được các khoản nợ đến hạn.

- Chỉ tiêu về cơ cấu Vốn – tài sản: Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu hiện có lớn hơn nợ phải trả thể hiện công ty đảm bảo được nguồn vốn chi trả, đảm bảo được sự độc lập về tài chính.

- Chi tiêu về khả năng sinh lời: Bình quân 1 đồng doanh thu tạo ra 0,02 đồng lợi nhuận, chỉ tiêu (ROA): bình quân cứ 1 đồng tài sản được sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh tạo ra được 0,03 đồng lợi nhuận; chỉ tiêu (ROE): bình quân cứ 01 đồng vốn đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ tạo ra 0,05 đồng lợi nhuận.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*:

Xuất phát từ tình hình thực tế và sự cấp bách, cần sự quyết đoán trong công việc của Công ty, Hội đồng quản trị công ty đã đề ra một số giải pháp thay đổi về công tác tổ chức, quản trị như sau:

- Sáp nhập 2 Đội Môi trường 4 và 5 thành 01 Đội Môi trường 4.

- Thành lập Đội Cơ khí, Đội Bảo vệ, Tổ Xây Dựng Cơ Bản

- Thay đổi Phòng Kiểm tra chất lượng vệ sinh môi trường thành Đội Kiểm Tra

- Thay đổi Phòng Kinh doanh thành thành Phòng Đầu tư

Ban hành các Nội quy, quy chế gồm :

- Nội Quy Lao động
- Thỏa ước Lao động tập thể
- Quy chế trả lương
- Quy chế Khen thưởng
- Quy chế Nâng bậc lương
- Quy chế Tổ chức tiếp công dân
- Quy chế Chi tiêu Nội bộ
- Quy chế thực hiện dân chủ.
- Quy chế phối hợp phối hợp với Đội Cơ khí và các phòng, đội có liên quan
- Quy chế tổ chức, hoạt động thu phí vệ sinh công cộng
- Quy chế tổ chức, hoạt động của Đội Bảo vệ
- Quy chế Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại
- Quy chế cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ, cơ cấu tổ chức và phối hợp giữa các phòng nghiệp vụ
- Quy định mua sắm mua sắm vật tư, công cụ dụng cụ, tài sản khác duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty; Quy trình quản lý kho; Bán thanh lý công cụ, dụng cụ, phụ tùng và vật tư đã qua sử dụng, hư hỏng (tài sản); Bán thanh lý tài sản cố định

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai:*

Năm 2016 là năm khó khăn, đầu vào của công ty không tăng mà còn có xu hướng giảm do đấu thầu dịch vụ công ích đô thị, đầu ra của công ty lại tăng do các chế độ của người lao động thực hiện hiện theo quy định của nhà nước. Mục tiêu doanh thu 143,9 tỷ và lợi nhuận trước thuế 4,8 tỷ của kế hoạch năm 2016 là một thách thức vô cùng to lớn cho Ban lãnh đạo và CBCNV toàn công ty. Và các chế độ cho người lao động đều tăng: Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp tăng do đóng trên thu nhập, Tiền lương trả cho người lao động tăng theo lương tối thiểu vùng. Các Tổ thu gom rác tự quản sẽ phát sinh thêm.

Tuy nhiên với những lợi thế, thuận lợi, năng lực đã có như lĩnh vực dịch vụ vệ sinh môi trường chất lượng ngày càng cao, yên tâm trong công tác đấu thầu. Nguồn nhân lực có kinh nghiệm, chế độ đãi ngộ tốt, môi trường làm việc thuận lợi, thân thiện và ổn định lâu dài.

Do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty đưa ra các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 :

* Công tác Tổ chức quản lý sản xuất:

- Tiếp tục rà soát hoàn thiện công tác quản lý, điều hành từng công việc sản xuất.

- Định mức kinh tế kỹ thuật các thành phần công việc, định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu.

- Phân bố hợp lý con người, phương tiện và công cụ dụng cụ sản xuất.

* Công tác Dự án đầu tư:

Nhằm tiếp tục nâng cao năng lực về chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh và uy tín thực hiện dịch vụ công ích đô thị để tiến tới đấu thầu. Ban Tổng Giám đốc Công ty thông qua Hội đồng quản trị các dự án đầu tư :

- Mua 02 xe ép rác chuyên dùng 14 m3 (7 tấn) giá trị khoảng 04 tỷ đồng: Do lượng rác phát sinh tăng từ 370 tấn/ngày lên 450 tấn/ngày, mỗi chuyến thu gom vận chuyển rác kéo dài từ 2 – 3 tiếng, lái xe phải hoạt động liên lục trung bình 10 tiếng/ngày vi phạm Luật lao động, ảnh hưởng đến sức khỏe của con người.

- Mua 01 nâng chở xe cải tiến 05 tấn có giá trị khoảng 750 triệu đồng, để nâng cao nâng lực phục vụ cho các khu vực phía Bắc thành phố trong việc thu gom xe cải tiếng sau ca công tác.

- Đầu tư xây mới 01 lò hỏa táng: khoảng 4 tỷ đồng bằng nguồn vốn ngân sách, thu hồi vốn khấu hao trả lại cho nhà nước.

- Cải tạo, chỉnh trang tôn tạo cảnh quang khu vực nhà Hỏa táng bằng nguồn vốn của Công ty

- Đầu tư cải tạo bể phốt và xử lý bùn nạo vét và nước thải dầu mỡ

* Công tác tài chính và kiểm soát chi phí, công nợ:

-Tiếp tục xây dựng kế hoạch tài chính sát với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kiểm soát các nguồn tiền một cách hiệu quả nhất để góp phần gia tăng lợi nhuận của công ty.

- Kiểm soát nợ phải thu, trong hạn, quá hạn.

* Công tác Nhân sự – Tiền lương:

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trực thuộc công ty.

- Thành lập các Xí nghiệp để phân công, phân cấp quản lý.

- Ban hành quyết định chuyển xếp lương mới và ký kết HĐLĐ theo mức lương mới cho CBCNV.

- Phối hợp các Phòng chức năng của Công ty tổ chức các Hội nghị thường niên của Công ty như: Đại hội cổ đông, Hội nghị người lao động, …

* Công tác khác:

- Phát huy và đẩy mạnh các phong trào thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện chính sách tiết kiệm, động viên cá nhân tập thể tham gia sáng kiến cải tiến kỹ thuật phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

- Phối hợp các tổ chức Đảng, Đoàn thể xây dựng văn hóa công ty trên nền tảng "Đoàn kết, sáng tạo và phát triển", đồng thời chăm lo thường xuyên tới đời sống CBCNV trong công ty tạo môi trường làm việc chủ động sáng tạo văn minh và ổn định lâu dài.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT năm 2016.

- Công tác Kiểm tra an toàn, Bảo hộ lao động, Phòng chống cháy nổ.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty :*

Năm 2015, đánh dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Công ty Môi trường Đô thị Nha Trang khi chuyển đổi sang mô hình công ty Cổ phần. Đây là bước chuyển đổi quan trọng tạo điều kiện cho Công ty phát triển kể về lượng và chất lên tầm cao mới với chiến lược phát triển ổn định, bền vững.

Bám sát các mục tiêu quan trọng đã được Đại hội cổ đông lần thứ nhất thông qua, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã triển khai quyết liệt các giải pháp trọng tâm đối với từng lĩnh vực cụ thể.

Với những thuận lợi trong nhiều năm tổ chức và hình thành Công ty như :

- Thành phố Nha Trang là Trung tâm kinh tế chính trị của tỉnh Khánh Hòa, là điểm du lịch lớn của cả nước với nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng. Vì vậy dịch vụ công ích đô thị được UBND tỉnh Khánh Hòa và UBND thành phố Nha Trang quan tâm ưu ái đặt hàng cho công ty.

- Công ty được hình thành từ Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Nha Trang nên đã có thương hiệu, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực dịch vụ công ích đô thị, có đội ngũ công nhân lành nghề.

- Phương tiện vận tải toàn bộ là xe chuyên dùng như : xe ép rác, xe bồn tưới cây, xé sàn cát biển, xe hút bụi ...

- Được thành phố quan tâm một số tuyến đường cho quét vỉa hè 01 lượt/ngày, hỗ trợ công ty trong công tác thu phí, giao thêm Công tác bảo vệ công viên 06 tháng cuối năm 2015 …

- Sự đoàn kết, quyết tâm và tinh thần trách nhiệm cao của ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên.

Tuy nhiên trong năm 2015 bước đầu gặp nhiều khó khăn trong quá trình tổ chức sản xuất hoạt động của Công ty như:

- Bộ Xây dựng ban hành định mức nhân để xây dựng dự toán đơn giá năm 2015 rất thấp so với đơn giá năm 2014.

- Chi phí chung trong đơn giá được UBND tỉnh phê duyệt đủ từ 63-65%, nhưng đặt hàng chỉ 30%, chỉ vận chuyển rác trên đảo lòng bè và chôn rác Lương hòa thì giữ nguyên.

- Là dịch vụ công do Nhà nước đặt hàng nên mọi chi phí đủ để trang trải duy trì hoạt động, rất ít lãi (4,5% lợi nhuận định mức).

- Không có chế tài đối với những trường hợp không đóng phí vệ sinh, mức phí tăng hàng năm nên rất khó thu.

- Công nhân còn nhiều, khả năng và trình độ của lực lượng lao động tuy đã từng bước được nâng cao và hoàn thiện nhưng vẫn chưa đáp ứng tối đa yêu cầu ngày càng cao của công việc.

- Thành lập Tổ thu gom rác tự quản gồm 14 thôn thuộc 03 xã (Vĩnh Ngọc, Vĩnh Trung, Vĩnh Thái) thu phí vệ sinh chỉ đủ trang trải chi phí nhân công, UBND thành phố Nha Trang không cấp bù như trong hợp đồng đặt hàng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang đi vào hoạt động nên khó khăn và thách thức không thể tránh khỏi, với nỗ lực của CBCNV toàn công ty, sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự điều hành của ban Tổng giám đốc, công ty đã vượt qua khó khăn và đạt được kết quả kinh doanh như trên là một thành công lớn.

- Doanh thu: 140 tỷ tăng 11 tỷ đồng, tỷ lệ 108,53%

- Chi phí: 135,52 tỷ tăng 9,52 tỷ đồng , tỷ lệ 107,55%

Tốc độ tăng doanh thu (108,53%) cao hơn tốc độ tăng chi phí (107,55%), trong năm có một số công tác ghi nhận doanh thu bằng chi phí vì thành phố cấp kinh phí như dạng thu hộ, chi hộ:

+ Bảo vệ bờ biển

+ Tổ tự quản

+ Vật tư sửa chữa điện chiếu sáng công cộng

+ Đất mua lấp rác bãi chôn lấp.

Với yêu cầu tăng cường năng lực đột phá về chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh và uy tín thực hiện dịch vụ công ích đô thị để tiến tới đấu thầu. Ban Tổng Giám đốc Công ty căn cứ vào tình hình thực tế sản xuất và Điều lệ tổ chức hoạt động trong năm 2015 tiến hành đầu tư, mua sắm như sau:

- Xe nâng chở xe cải tiến Thaco ollin 800A 5 tấn: 730.418.636 đồng

- Xe tải chở hàng Thaco kia K165-2,4 tấn : 322.409.091 đồng

- Sửa chữa, cải tại, nâng cấp lò hỏa táng : 327.379.000 đồng

- Nhà để xe ô tô, nhà làm việc, cổng tường rào, cầu rửa xe xã Phước Đồng: 904.248.182 đồng

- Công ty xây dựng công trình tường rào, cổng khu Hòn sện trên diện tích 7.000 m^2 dùng làm vườn ươm cho Công ty và một phần dùng để chứa xe cải tiến sau ca công tác khu vực phía Bắc: 711.971.818 đồng

- Khoang giếng khai thác nước ngầm phục vụ sinh hoạt và tưới cây khu vực hoả táng Phía Bắc và Hoàn Rớ (02 cái): 190.909.091 đồng

- Công trình nhà để xe ô tô Hòn Rớ : 284.746.000 đồng

- Lắp đặt mới và cải tạo các hạng mục tại xưởng Cơ khí : 85.608.000 đồng

V. Quản trị công ty :

1. Hội đồng quản trị :

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 01/4/2016	
			Số lượng	Tỉ lệ
I	**Hội đồng Quản trị**			
1	Hồ Ngọc Ân	Chủ tịch	3.704.100	61,74
2	Nguyễn Thành Tây	Thành viên	3.900	0,065
3	Ngô Văn Đừng	Thành viên	3.100	0.052
4	Phan Ngọc Thanh	Thành viên		

b. Các hoạt động của Hội đồng quản trị :

Nét nổi bật về hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2015

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội cổ đông

- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng , năng động

- Chăm lo, phê duyệt điều chỉnh lương và thu nhập cho Ban Tổng Giám đốc và người lao động, tạo nên sự an tâm công tác gắn bó với Công ty

- Giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban Tổng Giám đốc và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế cho công ty.

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang đi vào hoạt động nên khó khăn và thách thức không thể tránh khỏi. Do đó Bám sát các mục tiêu quan trọng đã được Đại hội cổ đông lần thứ nhất thông qua, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã triển khai quyết liệt các giải pháp trọng tâm đối

với từng lĩnh vực cụ thể nên việc tổ chức họp Hội đồng quản trị theo đúng quy định có phần chậm trễ. Tuy nhiên cuộc họp Hội đồng quản trị công ty đã họp và thông qua các nội dung:

- Thông qua cử 01 Thư ký HĐQT.

- Hội đồng quản trị Công ty thông qua sáp nhập Phòng Kinh doanh vào Phòng Kế hoạch thành Phòng Kế hoạch - Kinh doanh trực thuộc Công ty.

- Thông qua công tác tổ chức, quản trị và kiểm soát của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian qua.

- Thông qua đề xuất của Kế toán trưởng về mức lương của Tổng Giám Đốc : 24.000.000 đồng/tháng , Phó Tổng Giám Đốc Công ty : 21.000.0000 đồng/tháng; Kế toán trưởng : 19.000.0000 đồng/tháng. Hàng tháng được tạm ứng bằng 80% của số tiền lương tạm tính cho tháng đó, số 20% còn lại được quyết toán và chi trả vào cuối năm. Áp dụng từ ngày 01/01/2015.

- Hội đồng Quản trị thông qua ủy quyền cho ông Nguyễn Thành Tây, Phó Tổng Giám đốc ký kết hợp đồng lao động với ông Hồ Ngọc Ân, Tổng Giám đốc, kể từ ngày 01/01/2015

- Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm và phương hướng 6 tháng cuối năm 2015 của Tổng Giám Đốc

- Thông qua Báo cáo sơ kết 06 tháng đầu năm 2015 của Tổng Giám Đốc

- Thông qua Phương án thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch và lao động năm 2015 của Tổng Giám đốc.

- Thông qua các Nội quy, quy chế đã ban hành trong thời gian qua.

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều có tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cới tư cách quan sát viên.

2. *Ban Kiểm soát:*

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát :

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 01/4/2016	
			Số lượng	Tỉ lệ
II	**Ban Kiểm soát**			
1	Nguyễn Thành Phú	Trưởng ban	700	0,012
2	Lương Hải Thiện	Thành viên	500	0,008
3	Nguyễn Hùng	Thành viên	9931	0,165

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Năm 2015, Ban kiểm soát được mời và Ban đã bố trí thời gian tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Đại diện Ban đã nghe và tham gia đóng góp nhiều ý kiến trong các cuộc họp để định hướng cho Công ty vừa đảm bảo được hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, vừa thực hiện đúng Luật doanh

nghiệp và điều lệ Công ty Cổ phần. Ngoài ra, Ban cũng đã trao đổi, thảo luận giữa các thành viên trong Ban để thống nhất ý kiến bằng hình thức họp hoặc điện thoại.

- Về công tác thẩm tra báo cáo tài chính: Qua thẩm tra báo cáo tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2015, Ban kiểm soát nhận thấy:

+ Tất cả mọi hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định liên quan, đảm bảo quản lý vốn an toàn, hợp lý, thực hiện đầy đủ các khoản thu chi minh bạch, rõ ràng. Ban không phát hiện trường hợp nào bất thường trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

+ Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc ban hành đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và có nội dung phù hợp với chủ trương, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

+ Công tác quản lý tài chính: Báo cáo tài chính đúng biểu mẫu, việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đầy đủ, trung thực, kịp thời đúng quy định Công ty, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Ban kiểm soát thống nhất với số liệu báo cáo quyết toán năm 2015 đã được kiểm toán.

3. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội Đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát :*

a. Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị năm 2015 :

STT	**Họ tên**	**Chức danh**	**Thù lao / tháng** (đồng)	**Thù lao năm 2015** (đồng)
1	Hồ Ngọc Ân	Chủ tịch HĐQT	5.000.000	60.000.000
2	Nguyễn Thành Tây	Thành viên HĐQT	4.000000	48.000.000
3	Phan Ngọc Thanh	Thành viên HĐQT	4.000000	48.000.000
4	Ngô Văn Đừng	Thành viên HĐQT	4.000000	48.000.000
5	Nguyễn Đăng Vinh	Thành viên HĐQT	4.000000	48.000.000
	Tổng cộng			**252.000.000**

b. Báo cáo thù lao Ban kiểm soát năm 2015 :

STT	**Họ tên**	**Chức danh**	**Thù lao / tháng** (đồng)	**Thù lao năm 2015** (đồng)

1	Nguyễn Thành Phú	Trưởng BKS	4.000.000	48.000.000
2	Lương Hải Thiện	Thành viên BKS	3.000000	36.000.000
3	Nguyễn Hùng	Thành viên BKS	3.000000	36.000.000
	Tổng cộng			**120.000.000**

c. Báo cáo thù lao Thư ký công ty năm 2015 (quý 4) :

STT	**Họ tên**	**Chức danh**	**Thù lao / tháng** (đồng)	**Thù lao năm 2015-** Quý 4 (đồng)
1	Bùi Thế Tân	Thư ký công ty	2.000.000	6.000.000
	Tổng cộng			**6.000.000**

d. Báo cáo mức lương của Tổng Giám đốc năm 2015:

STT	**Họ tên**	**Chức danh**	**Tiền lương / tháng** (đồng)	**Tiền lương năm 2015** (đồng)
1	Hồ Ngọc Ân	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	24.000.000	288.000.000
	Tổng cộng			**288.000.000**

đ. Báo cáo tiền thưởng của Tổng Giám đốc năm 2015 :

STT	**Họ tên**	**Chức danh**	**Tiền thưởng Tết âm lịch Ất Mùi 2015** (đồng)	**Tiền thưởng ngày lễ 2/9** (đồng)
1	Hồ Ngọc Ân	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	500.000	0

VI. Báo cáo tài chính :

1. *Ý kiến kiểm toán :*

BAKER TILLY
A&C
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 050/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 03 năm 2016, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Nha Trang

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN và TƯ VẤN A&C Tại NHA TRANG

Phan Thị Ngọc Trâm – Phó Giám đốc	**Huỳnh Thị Trúc Linh - Kiểm toán viên**
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0979-2013-008-1	*Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2647-2013-008-1*

Nha Trang, ngày 23 tháng 03 năm 2016

BAKER TILLY
A&C

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

an independent member of
BAKER TILLY
INTERNATIONAL

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
3.	Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4.	Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	6 – 9
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11 – 12
7.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 – 30
8.	Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	31

****

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Nha Trang theo Quyết định số 1721/QĐ-UBND ngày 17 tháng 07 năm 2012 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200444916 ngày 31 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 26 tháng 05 năm 2015 về việc bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh.

Trụ sở chính
- Địa chỉ : 22 Hùng Vương - phường Lộc Thọ - thành phố Nha Trang - tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại : (058) 3523 863
- Fax : (058) 3523 863

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Thu gom rác thải không độc hại;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Quản lý nghĩa trang. Dịch vụ mai táng. Dịch vụ địa táng. Dịch vụ hỏa táng, điện táng;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Bán buôn hoa và cây;
- Trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hồ Ngọc Ân	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Thành Tây	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Đăng Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014
Ông Ngô Văn Đừng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014
Ông Phan Ngọc Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thành Phú	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014
Ông Lương Hải Thiện	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hồ Ngọc Ân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Nguyễn Thành Tây	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Nguyễn Hùng Thanh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015

Đại diện pháp luật
Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hồ Ngọc Ân (bổ nhiệm ngày 25 tháng 12 năm 2014).

Kiểm toán viên
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Hồ Ngọc Ân
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 03 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**55.275.399.975**	**31.155.636.329**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**39.716.192.221**	**16.439.591.492**
1. Tiền	111		39.716.192.221	16.439.591.492
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**13.682.194.764**	**12.309.791.767**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	8.446.136.100	8.931.488.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	95.123.200	248.781.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	5.140.935.464	3.129.522.767
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**1.794.240.044**	**1.514.401.360**
1. Hàng tồn kho	141	V.5	1.794.240.044	1.514.401.360
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**82.772.946**	**891.851.710**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	67.474.027	154.884.110
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	15.298.919	736.967.600
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**47.026.775.654**	**53.290.197.979**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**43.980.753.487**	**48.765.394.900**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	43.980.753.487	48.765.394.900
- *Nguyên giá*	*222*		*85.879.393.785*	*82.298.548.754*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(41.898.640.298)*	*(33.533.153.854)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- *Nguyên giá*	*225*		-	-
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- *Nguyên giá*	*228*		-	-
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		-	-
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		3.046.022.167	4.524.803.079
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	3.046.022.167	4.524.803.079
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**102.302.175.629**	**84.445.834.308**

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**37.361.895.349**	**28.509.960.219**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**33.914.553.386**	**24.749.223.532**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	851.982.495	2.013.231.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	1.989.310.971	2.551.676.660
4. Phải trả người lao động	314	V.10	23.477.895.828	10.232.419.555
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	2.878.625.757	2.822.086.329
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	1.352.283.788	2.479.101.441
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	313.394.724	313.394.724
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	3.051.059.823	4.337.313.823
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**3.447.341.963**	**3.760.736.687**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	3.447.341.963	3.760.736.687
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**64.940.280.280**	**55.935.874.089**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**63.461.810.376**	**55.881.328.830**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.15	60.000.000.000	55.881.328.830
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*60.000.000.000*	*55.881.328.830*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.15	3.461.810.376	-
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		-	-
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*3.461.810.376*	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**1.478.469.904**	**54.545.259**
1. Nguồn kinh phí	431	V.16	1.478.469.904	54.545.259
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**102.302.175.629**	**84.445.834.308**

Nha Trang, ngày 21 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nguyễn Hùng Thanh	Hồ Ngọc Ân
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	139.236.687.158	131.476.142.511
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	11.369.000	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		139.225.318.158	131.476.142.511
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.3	128.147.457.056	117.534.251.879
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.077.861.102	13.941.890.632
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	147.694.753	519.554.166
7.	Chi phí tài chính	22	VI.5	259.517.180	283.439.178
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		259.517.180	283.439.178
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	6.945.327.483	8.264.573.472
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.020.711.192	5.913.432.148
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	626.800.317	582.693.889
12.	Chi phí khác	32	VI.8	163.165.634	388.302.167
13.	Lợi nhuận khác	40		463.634.683	194.391.722
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.484.345.875	6.107.823.870
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.9	1.022.535.499	1.417.963.162
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.461.810.376	4.689.860.708
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a,b	577	-
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9a,b	577	-

TP. Nha Trang, ngày 21 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nguyễn Hùng Thanh	Hồ Ngọc Ân
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	*01*		*4.484.345.875*	*6.107.823.870*
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	8.365.486.444	5.911.924.709
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(877.919.258)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	259.517.180	283.439.178
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	*08*		*13.109.349.499*	*11.425.268.499*
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.467.936.854	4.002.622.552
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(279.838.684)	2.518.554.880
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		11.259.252.495	(25.028.981.786)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.566.190.995	(331.777.368)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(259.517.180)	(288.169.059)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.9	(1.830.204.140)	(626.887.223)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		30.347.424.896	33.013.951.442
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(30.209.754.251)	(30.467.739.518)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*		*27.170.840.484*	*(5.783.157.581)*
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7	(3.580.845.031)	(10.026.412.583)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	729.766.056
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	262.979.742
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*		*(3.580.845.031)*	*(9.033.666.785)*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(528.875.260)
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.13a	(313.394.724)	(313.394.724)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(313.394.724)***	***(842.269.984)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**23.276.600.729**	**(15.659.094.350)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**16.439.591.492**	**32.098.685.842**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**39.716.192.221**	**16.439.591.492**

TP. Nha Trang, ngày 21 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nguyễn Hùng Thanh	Hồ Ngọc Ân
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Thu gom rác thải không độc hại;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Quản lý nghĩa trang. Dịch vụ mai táng. Dịch vụ địa táng. Dịch vụ hỏa táng, điện táng;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Bán buôn hoa và cây;
- Trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh .

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính
Năm nay là năm đầu tiên Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần, số đầu năm và số năm trước trên Báo cáo tài chính là số nhận bàn giao từ Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Nha Trang.

6. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

- Phòng Tổ chức Hành chính
- Phòng Kế toán tài vụ
- Phòng Đầu tư
- Phòng Kế hoạch
- Đội Môi trường 1
- Đội Môi trường 2
- Đội Môi trường 3
- Đội Môi trường 4
- Đội Cây xanh
- Đội Bảo vệ
- Đội Dịch vụ
- Đội Cơ khí
- Đội Xe
- Đội Thu phí
- Đội Kiểm tra chất lượng an toàn vệ sinh người lao động
- Đội Vận Hành bãi chôn lấp Lương Hoà
- Đội Điện
- Đội Xây dựng

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 890 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 795 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính này là năm tài chính đầu tiên của Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biện bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013. Lợi thế kinh doanh được phân bổ trong 3 năm kể từ khi chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần.

Chi phí khác

Chi phí sửa chữa xe và các chi phí khác được phân bổ trong thời gian không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 25
Máy móc và thiết bị	10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 08

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	20.924.229	8.982
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	39.695.267.992	16.439.582.510
Cộng	**39.716.192.221**	**16.439.591.492**

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các khách hàng khác		
UBND Thành phố Nha Trang	6.837.432.000	7.702.792.000
Phòng Quản lý Đô thị Nha Trang	877.963.000	877.963.000
Các khách hàng khác	730.741.100	350.733.000
Cộng	**8.446.136.100**	**8.931.488.000**

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Khánh Ngọc	95.123.200	226.281.000
Các khách hàng khác	-	22.500.000
Cộng	**95.123.200**	**248.781.000**

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Thuế được hoàn	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.650.472.368	-	6.870.453.495		(6.625.150.543)	1.895.775.320	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	901.204.292	-	1.022.535.499		(1.830.204.140)	93.535.651	-
Thuế thu nhập cá nhân		736.967.600	43.201.294	1.230.034.563	(551.567.176)		15.298.919
Tiền thuê đất		-	173.121.400		(173.121.400)	-	-
Các loại thuế khác		-	3.000.000		(3.000.000)	-	-
Cộng	**2.551.676.660**	**736.967.600**	**8.119.128.416**	**1.230.034.563**	**(9.183.043.259)**	**1.989.310.971**	**15.298.919**

Thuế giá trị gia tăng
Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Duy trì vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng, dịch vụ tang lễ không chịu thuế giá trị gia tăng.

Các hoạt động khác chịu thuế giá trị gia tăng với thuế suất như sau:

+ Bán cây cảnh	5%
+ Bán chậu cảnh, xây mộ, cho thuê bãi đổ hầm vệ sinh, Dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp
Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.484.345.875	6.107.823.870
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	163.542.755	337.463.230
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	4.647.888.630	6.445.287.100
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**1.022.535.499**	**1.417.963.162**

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác
Công ty kê khai và nộp theo quy định.

10. Phải trả người lao động
Số dư phải trả người lao động cuối năm là quỹ lương còn lại chưa chi.

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Chi phí phải trả tiền ăn ca	1.418.351.000	1.240.668.000
Phải trả chi phí thi công Công trình khu dân cư Bắc vĩnh Hải	466.880.000	-
Thuê ngoài xây mộ 02 nghĩa trang trong kỳ	345.583.635	387.119.546
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	647.811.122	1.194.298.783
Cộng	**2.878.625.757**	**2.822.086.329**

12. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Tài sản thừa chờ giải quyết	60.741.442	60.741.442
Kinh phí công đoàn	61.203.090	35.258.170
Phải trả Ban quản lý dự án về dự án cải thiện vệ sinh môi trường thành phố Nha Trang	1.094.374.205	1.094.374.205
Thuế TNCN phải trả lại công nhân viên	-	1.230.034.563
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	135.965.051	58.693.061
Cộng	**1.352.283.788**	**2.479.101.441**

13. Vay ngắn hạn/dài hạn

13a. Vay ngắn hạn
Số dư phản ánh khoản vay dài hạn đến hạn trả Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Khánh Hòa – Ninh Thuận (xem thuyết minh V.13b).

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn như sau

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	313.394.724	313.394.724
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	313.394.724	313.394.724
Số tiền vay đã trả	(313.394.724)	(313.394.724)
Số cuối năm	**313.394.724**	**313.394.724**

13b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn
Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Khánh Hòa – Ninh Thuận theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ tài chính và Công ty ký ngày 10/10/2011 để đầu tư cho dự án "Vệ sinh môi trường thành phố Nha Trang", thời hạn vay 20 năm, lãi suất 6,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố một số tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.7).

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.760.736.687	4.074.131.411
Số kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	(313.394.724)	(313.394.724)
Số cuối năm	**3.447.341.963**	**3.760.736.687**

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	313.394.724	313.394.724
Trên 1 năm đến 5 năm	1.253.578.896	1.253.578.896
Trên 5 năm	2.193.763.067	2.507.157.791
Tổng nợ	**3.760.736.687**	**4.074.131.411**

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng Ban điều hành	Cộng
Số đầu năm	3.268.618.041	1.034.204.481	34.491.301	4.337.313.823
Ngân sách thưởng	475.000.000	-	-	475.000.000
Thu hồi các khoản đã chi bằng tiền	-	90.528.000	-	90.528.000
Chi quỹ trong năm nay bằng tiền	(1.381.100.000)	(463.682.000)	(7.000.000)	(1.851.782.000)
Số cuối năm	**2.362.518.041**	**661.050.481**	**27.491.301**	**3.051.059.823**

15. Vốn chủ sở hữu

15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa	37.041.000.000	55.881.328.830
DNTN Thương mại và Du lịch Tường Nhàn	14.430.690.000	-
Các cổ đông khác	8.528.310.000	-
Cộng	**60.000.000.000**	**55.881.328.830**

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp VND	Vốn điều lệ còn phải góp VND
	VND	Tỷ lệ (%)		
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa	37.041.000.000	61,74	37.041.000.000	-
DNTN Thương mại và Du lịch Tường Nhàn	14.430.690.000	24,05	14.430.690.000	-
Các cổ đông khác	8.528.310.000	14,21	8.528.310.000	-
Cộng	**60.000.000.000**	**100,00**	**60.000.000.000**	**-**

Theo Quyết định số 2945/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh quyết toán chi phí cổ phần hóa và số tiền còn lại nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và tăng khoản phải thu của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa 4.274.990.000 VND.

15c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	6.000.000	
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	

Toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành là cổ phiếu phổ thông.
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

16. Nguồn kinh phí

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	54.545.259	(1.565.154.900)
Nguồn kinh phí được cấp	30.107.306.996	26.223.126.818
Chi sự nghiệp	(28.357.972.251)	(24.603.426.659)
Nộp hoàn trả tiền hỗ trợ đóng cửa bãi rác Rù Rì	(58.680.100)	-
Điều chỉnh hạch toán kinh phí bồi thường kỹ thuật dự án: Di dời hệ thống điện chiếu sáng (bổ sung) tại nút giao Quốc lộ 1A - Phạm Văn Đồng	(266.730.000)	-
Số cuối năm	**1.478.469.904**	**54.545.259**

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán
Tài sản nhận giữ hộ
Giá trị tài sản cố định phục vụ công cộng

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu vệ sinh môi trường	87.130.224.499	81.204.053.182
Doanh thu duy trì chăm sóc cây xanh	17.293.288.000	17.779.525.000
Doanh thu duy trì điện chiếu sáng công cộng	4.296.439.000	8.742.992.000
Doanh thu quản lý nghĩa trang, dịch vụ mai táng	13.627.512.689	12.700.484.187
Doanh thu bãi chôn lấp Lương Hòa	7.499.934.545	4.035.503.636
Doanh thu vệ sinh môi trường (xã hội hoá)	6.429.381.903	5.676.982.909
Doanh thu vườn cây cảnh	87.230.770	264.028.819
Doanh thu vệ sinh môi trường (tự quản)	321.027.365	-
Doanh thu nước rỉ rác Lương Hoà	554.957.273	-
Doanh thu dịch vụ khác	1.996.691.114	1.072.572.778
Cộng	**139.236.687.158**	**131.476.142.511**

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan
Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn vệ sinh môi trường	79.220.949.229	68.860.049.248
Giá vốn duy trì chăm sóc cây xanh	16.730.713.958	18.757.129.754
Giá vốn duy trì điện chiếu sáng công cộng	5.816.245.948	6.837.642.788
Giá vốn quản lý nghĩa trang và dịch vụ mai táng	11.571.744.273	12.033.682.841
Giá vốn vườn cây cảnh	57.762.662	187.909.956
Giá vốn vệ sinh môi trường (lĩnh vực xã hội hóa)	4.068.639.101	5.383.660.319
Giá vốn bãi chôn lấp Lương Hòa	8.031.581.653	5.435.876.219
Giá vốn nước rỉ rác Lương Hoà	1.546.491.587	-
Giá vốn vệ sinh môi trường (tự quản)	261.253.615	-
Giá vốn dịch vụ khác	842.075.030	38.300.754
Cộng	**128.147.457.056**	**117.534.251.879**

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	262.979.742
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	147.694.753	256.574.424
Cộng	**147.694.753**	**519.554.166**

5. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay phát sinh trong năm.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.690.862.497	3.931.035.839
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	414.895.255	981.289.941
Chi phí khấu hao tài sản cố định	474.407.552	218.154.660
Thuế, phí và lệ phí	172.896.233	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.511.767.469	2.007.830.932
Các chi phí khác	680.498.477	1.123.262.100
Cộng	**6.945.327.483**	**8.264.573.472**

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	369.017.195
Tiền bồi thường	434.676.951	-
Thu nhập từ đền bù, giải tỏa	171.562.000	-
Thu nhập khác	20.561.366	213.676.694
Cộng	**626.800.317**	**582.693.889**

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	17.928.931	113.932.163
Thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	140.834.212	-
Lãi nộp chậm	-	168.993.067
Chi phí khác	4.402.491	105.376.937
Cộng	**163.165.634**	**388.302.167**

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.461.810.376	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.461.810.376	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	6.000.000	-
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	**577**	**-**

9b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước không có do năm trước Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên, năm nay là năm đầu tiên Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với thành viên Hội đồng quản trị:

	Năm nay	Năm trước
Thành viên Hội đồng quản trị		
Tạm ứng phát sinh trong năm	32.000.000	245.000.000
Thanh toán tạm ứng	277.000.000	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt
Công ty không còn công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 768.000.000 VND.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa là cổ đông nắm giữ 61,74% vốn điều lệ.

Giao dịch với các bên liên quan khác
Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa như sau:

	Năm nay	Năm trước
Góp vốn	4.274.990.374	-

Công nợ với các bên liên quan khác
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.4.

Khoản công nợ phải thu bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho khoản nợ phải thu bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là dịch vụ và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Phải thu ngắn hạn khác	136	237.953.050	2.891.569.717	3.129.522.767	(i)
Tài sản ngắn hạn khác	155	2.891.569.717	(2.891.569.717)	-	(i)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Thu nhập khác	31	737.947.875	(155.253.986)	582.693.889	(i)
Chi phí khác	32	543.556.153	(155.253.986)	388.302.167	(i)

(i) Thay đổi do áp dụng chế độ kế toán mới.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Nha Trang, ngày 21 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nguyễn Hùng Thanh	Hồ Ngọc Ân
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG
Địa chỉ: 22 Hùng Vương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
Số dư đầu năm trước	20.608.000.000	17.360.572.470	-	-	-	3.948.730.500	41.917.302.970
Điều chỉnh do áp dụng chính sách kế toán mới				642.342.491			642.342.491
Điều chỉnh trích quỹ năm trước	-	-	-	(113.467.231)	113.467.231	-	-
Nộp quỹ	-	-	-	(528.875.260)	-	-	(528.875.260)
Trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	(122.821.485)	-	(122.821.485)
Điều chỉnh giảm quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	9.354.254	-	9.354.254
Lợi nhuận sau thuế năm trước	-	-	-	-	4.689.860.708	-	4.689.860.708
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(4.689.860.708)	-	(4.689.860.708)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	-	-
Ngân sách cấp bổ sung trong năm trước	-	10.454.400.000	-	-	-	3.959.697.723	14.414.097.723
Kết chuyển nguồn đối với tài sản được cấp	-	1.657.912.000	-	-	-	(1.657.912.000)	-
Vốn ĐTXDCB hoàn thành được duyệt	-	-	-	-	-	(6.250.516.223)	(6.250.516.223)
Đánh giá lại tài sản cổ phần hóa	-	-	5.800.444.360	-	-	-	5.800.444.360
Kết chuyển nguồn tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần	35.273.328.830	(29.472.884.470)	(5.800.444.360)	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	**55.881.328.830**	-	-	-	-	-	**55.881.328.830**
Số dư đầu năm nay	55.881.328.830	-	-	-	-	-	55.881.328.830
Tăng vốn từ khoản phải thu Nhà nước	4.274.990.374	-	-	-	-	-	4.274.990.374
Kết chuyển vốn dư sang phải trả khác	(156.319.204)	-	-	-	-	-	(156.319.204)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	3.461.810.376	-	3.461.810.376
Số dư cuối năm nay	**60.000.000.000**	-	-	-	**3.461.810.376**	-	**63.461.810.376**

TP. Nha Trang, ngày 21 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nguyễn Hùng Thanh	Hồ Ngọc Ân

31

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
HỒ NGỌC ÂN

56